

1 MOTION #2
(BẢN KIẾN NGHỊ #2)

2
3
4
5
6 **Notice: You must complete this form in English.**
(Chú ý: Quý vị phải hoàn thành mẫu đơn này bằng tiếng Anh.)

7
8 IN THE SUPERIOR COURT OF THE STATE OF WASHINGTON
9 IN AND FOR THE COUNTY OF _____
(TẠI HỆ THỐNG TÒA ÁN THƯỢNG THẨM CỦA BANG WASHINGTON
10 QUẬN_____)

11 _____
12 Plaintiff
(Nguyên đơn)
(landlord)
(chủ nhà)

13
14 v.
15 (chống lại)

16 _____
17 Defendant(s)
(Bị đơn)
(tenant)
(người thuê nhà)

Case No.: _____
(Vụ án số:) _____

MOTION TO STAY ENFORCEMENT OF
WRIT OF RESTITUTION AND FOR
PAYMENT PLAN UNDER RCW
59.18.410(3)
(KIẾN NGHỊ TẠM DỪNG THỰC THI
LỆNH ĐÒI NHÀ VÀ KẾ HOẠCH THANH
TOÁN THEO RCW 59.18.410(3))

19
20 Defendant moves the Court to stay the writ of restitution and order a payment
21 plan under RCW 59.18.410(3):

22 (Bị đơn đề nghị Tòa án tạm dừng thực thi lệnh đòi nhà và đưa ra lệnh kế hoạch
23 thanh toán theo RCW 59.18.410(3):)

1 I. Relief Requested

2 I. (Yêu cầu Sửa đổi)

3 I ask the Court to stay enforcement of the writ of restitution and allow me to
4 continue living in my rental unit under the fair and just terms of the payment plan below
5 because there is good cause based on the evidence below.

6 *(Tôi yêu cầu Tòa án tạm dừng thực thi lệnh đòi nhà và cho phép tôi tiếp tục sống trong*
7 *đơn nguyên cho thuê của mình theo các điều khoản công bằng và hợp lẽ của kế hoạch*
8 *thanh toán dưới đây vì có lý do chính đáng dựa trên các bằng chứng bên dưới.)*

9 I also want the Court to (check all that apply):

10 *(Tôi cũng muốn Tòa án (chọn tất cả các mục phù hợp):)*

11 Order a fair and just payment plan according to these terms:

12 *(Ra án lệnh về kế hoạch thanh toán công bằng và hợp lẽ theo các điều khoản sau:)*

13 Payment of total amount _____ . Consisting of

14 *(Thanh toán tổng số tiền) _____. (Bao gồm)*

15 Rent due _____

(Tiền thuê nhà đến hạn) _____

16 Court costs _____

(Chi phí tòa án) _____

17 Late fee _____

(Lệ phí trễ hạn) _____

18 Attorneys' fees _____

(Phí luật sư) _____

19 Payment due under a deposit installment plan _____

(Khoản thanh toán đến hạn theo chương trình trả góp) _____

20 Other _____

(Khác) _____

1 Payment of total by date _____.
2 (Thanh toán tổng số tiền trước ngày _____.)

3 First payment of _____ due _____.
4 (Khoản thanh toán đầu tiên ____ đến hạn ____.)

5 2nd payment of _____ due _____.
6 (Khoản thanh toán thứ 2 ____ đến hạn ____.)

7 3rd payment of _____ due _____.
8 (Khoản thanh toán thứ 3 ____ đến hạn ____.)

9 4th payment of _____ due _____.
10 (Khoản thanh toán thứ 4 ____ đến hạn ____.)

11 Additional payments:
12 (Các khoản thanh toán bổ sung):

13 _____

14 _____

15 _____

16 AND/OR

17 (VÀ/HOẶC)

18 Stay enforcement of the writ of restitution as necessary (under RCW

19 59.18.410(3)(c)(iv)) to afford me an equal opportunity to comply with the terms of the

20 payment plan by relying on an emergency rental assistance program. I am relying on

21 an emergency rental assistance program provided by this government or nonprofit

22 entity: _____

23 (Tạm dừng thực thi lệnh đòi nhà khi cần thiết (theo RCW 59.18.410(3)(c)(iv)) để cho

tôi cơ hội bình đẳng tuân thủ các điều khoản của kế hoạch thanh toán bằng cách sử

dụng hỗ trợ từ một chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp. Tôi đang sử dụng hỗ trợ

1 của chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp được cung cấp bởi chính quyền hoặc tổ
2 chức phi lợi nhuận này: ____)

3

4 AND/OR

5 (VÀ/HOẶC)

6 Find that I am low-income, limited resourced, or experiencing hardship (under RCW
7 59.18.410(3)(e)(i)) and am eligible for disbursement through the Landlord Mitigation
8 Program established under RCW 43.31.605(1)(c).

9 (Nhận thấy rằng tôi có thu nhập thấp, nguồn lực hạn chế hoặc gặp khó khăn (theo
10 RCW 59.18.410(3)(e)(i)) và đủ điều kiện nhận giải ngân thông qua Chương trình Hỗ trợ
11 Chủ nhà được thành lập theo RCW 43.31.605(1)(c).)

12

13 II. Declaration

14 II. (Tuyên bố)

15 (Check the factors that apply and write a description)

16 ((Chọn tất cả các yếu tố phù hợp và viết mô tả))

17 (i) Any non-payment or late payment of rent or failure to make a payment on a
18 deposit installment plan was not willful or intentional because:

19 ((i) Bất kỳ việc không thanh toán hoặc thanh toán chậm tiền thuê nhà hoặc không
20 thanh toán cho chương trình trả góp tiền gửi là không cố ý hoặc có chủ đích bởi vì):

21

22

23

1 (ii) Any non-payment or late payment of rent or failure to make a payment on a
2 deposit installment plan was caused by exigent circumstances outside my control and
3 not likely to recur, specifically:

4 *((ii) Bất kỳ việc không thanh toán hoặc thanh toán chậm hoặc không thanh toán
5 cho chương trình trả góp tiền gửi là do hoàn cảnh khẩn cấp ngoài tầm kiểm soát của
6 tôi và không có khả năng tái diễn, cụ thể là:)*

7 _____
8 _____
9 _____.

10 (iii) I am currently able to pay timely according to the payment plan because:

11 *((iii) Tôi hiện có khả năng thanh toán đúng hạn theo kế hoạch thanh toán vì:)*

12 _____
13 _____
14 _____.

15 (iv) I had a positive and timely payment history up until recently, specifically:

16 *((iv) Tôi đã có lịch sử thanh toán tích cực và đúng hạn cho đến gần đây, cụ thể là:)*

17 _____
18 _____
19 _____.

20 (v) I am in substantial compliance with my rental agreement, specifically:

21 *((v) Tôi tuân thủ tốt hợp đồng cho thuê của mình, cụ thể là:)*

22 _____

23

1 _____

2 _____.

3 (vi) An eviction would cause me great hardship because:

4 ((vi) Một lệnh trục xuất sẽ khiến tôi gặp khó khăn lớn vì:)

5 _____

6 _____

7 _____.

8 (vii) I have shown good conduct related to other notices served within the last 6
9 months, specifically:

10 ((vii) Tôi đã thể hiện các hành vi tốt liên quan đến các thông báo khác được tổng
11 đạt trong vòng 6 tháng qua, cụ thể là:)

12 _____

13 _____

14 _____.

15 I am currently low-income, limited-resourced or experiencing hardship. Specifically:

16 (Tôi hiện đang có thu nhập thấp, có nguồn lực hạn chế hoặc gặp khó khăn. Cụ thể là:)

17 _____

18 _____

19 _____.

20 I am relying on an emergency rental assistance program provided by this
21 government or nonprofit entity: _____.

22 (Tôi đang sử dụng hỗ trợ của chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp được cung
23 cấp bởi chính quyền hoặc tổ chức phi lợi nhuận này:) _____.

1 I have attached an offer of proof of the emergency rental assistance from the
2 government or nonprofit entity. (See attached document.)


3 (Tôi đã đính kèm một đề nghị bằng chứng về hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp từ chính
4 phủ hoặc tổ chức phi lợi nhuận. (Xem tài liệu đính kèm.))

5
6 I declare under penalty of perjury of the laws of the state of Washington that the
7 forgoing is true and correct.

8 (Tôi cam đoan chiếu theo hình phạt về tội khai man theo luật pháp của tiểu bang
9 Washington rằng các thông tin trên là đúng sự thật và chính xác.)

10 Signed at (city and state): _____ Date: _____

11 (Đã ký tại (thành phố và tiểu bang):) _____ (Ngày:)

12
13  _____
14 Defendant signs here
(Bị đơn ký ở đây)

Print name
(Tên viết hoa)

15
16 III. Evidence Relied Upon

17 III. (Bằng chứng)

18 This motion is based on Defendant's declaration above and the filings and pleadings in
19 this case, including documents attached to this motion.

20 (Bản kiến nghị này dựa trên tuyên bố của Bị đơn ở trên và các hồ sơ và biên bản bào
21 chữa trong vụ kiện này, bao gồm các tài liệu đính kèm theo bản kiến nghị này.)
22
23

1 IV. Argument

2 IV. (Luận chứng)

3 A. A tenant may move to stay the writ of restitution under RCW 59.18.410(3) at the
4 show cause hearing or trial or at any time before execution of the writ.

5 A. (Người thuê nhà có thể yêu cầu tạm dừng lệnh đòi nhà theo RCW
6 59.18.410(3) tại buổi điều trần trình bày nguyên nhân hoặc phiên xét xử hoặc
7 bất cứ lúc nào trước khi thực thi lệnh.)

8 Under RCW 59.18.410(3)(a), “the court, at the time of the show cause hearing or
9 trial, or upon subsequent motion of the tenant but before the execution of the writ of
10 restitution, may stay the writ of restitution upon good cause and on such terms that the
11 court deems fair and just for both parties.”

12 *(Theo RCW 59.18.410(3)(a), “tòa án, tại thời điểm diễn ra phiên điều trần trình*
13 *bày nguyên nhân hoặc phiên xét xử, hoặc sau kiến nghị của người thuê nhà nhưng*
14 *trước việc thực thi lệnh đòi nhà, có thể tạm dừng lệnh đòi nhà theo lý do chính đáng và*
15 *theo các điều khoản mà tòa án cho là công bằng và hợp lý cho cả hai bên.”)*

16 Under RCW 59.18.410(3)(a), “the court shall consider evidence of the following
17 factors” in making this decision: the tenant’s willful or intentional default or intentional
18 failure to pay rent; whether non-payment of the rent was caused by exigent
19 circumstances that were beyond the tenant’s control and that are not likely to recur; the
20 tenant’s ability to timely pay the judgment; the tenant’s payment history; whether the
21 tenant is otherwise in substantial compliance with the rental agreement; hardship on the
22 tenant if evicted; and conduct related to other notices served within the last six months.

23 *(Theo RCW 59.18.410(3)(a), “tòa án sẽ xem xét bằng chứng về các yếu tố sau*
đây” khi đưa ra quyết định này: người thuê nhà cố ý hoặc chủ tâm không thanh toán

1 đúng hạn hoặc cố ý không thanh toán tiền thuê nhà, cho dù việc không thanh toán tiền
2 thuê nhà là kết quả của các tình huống cấp thiết nằm ngoài tầm kiểm soát của người
3 thuê và không có khả năng tái diễn; khả năng thanh toán tiền đúng hạn của người thuê,
4 lịch sử thanh toán của người thuê, cho dù người thuê có tuân thủ tốt hợp đồng thuê nhà
5 hay không, khó khăn họ gặp phải khi bị trục xuất; và hành vi liên quan đến các thông
6 báo khác được tổng đạt trong vòng sáu tháng qua.)

7 Under RCW 59.18.410(3)(c)(iv), the court shall stay the writ as necessary to
8 afford a tenant an equal opportunity to comply with the terms of a payment plan if a
9 tenant is relying on an emergency rental program provided by a government or nonprofit
10 entity and provides an offer of proof.

11 *(Theo RCW 59.18.410(3)(c)(iv), tòa án sẽ tạm dừng lệnh đòi nhà khi cần thiết để*
12 *trao cho người thuê nhà cơ hội bình đẳng tuân thủ các điều khoản của kế hoạch thanh*
13 *toán nếu người thuê nhà đang sử dụng hỗ trợ từ chương trình thuê nhà khẩn cấp được*
14 *cung cấp bởi chính quyền hoặc tổ chức phi lợi nhuận và cung cấp được bằng chứng về*
15 *việc đó.)*

16 Under recently amended RCW 59.18.283, a tenant may move to stay a writ of
17 execution if a tenant defaulted in payment owed under a deposit installment plan. RCW
18 59.18.283 now includes the provision that “When, at the commencement of the tenancy,
19 the landlord has provided an installmentpayment plan for nonrefundable fees or deposits
20 for the security of the tenant's obligations and the tenant defaults in payment, the
21 landlord may treat the defaultin payment as rent owing. Any rights the tenant and
22 landlord have under this chapter with respect to rent owing equally apply under this
23 subsection.” RCW 59.18.283 (3).

1 *(Theo RCW 59.18.283 được sửa đổi gần đây, người thuê nhà có thể đề nghị tạm*
2 *dừng lệnh thực thi nếu người thuê nhà không thanh toán đủ tiền thuê nhà theo kế hoạch*
3 *trả góp tiền gửi. RCW 59.18.283 hiện bao gồm điều khoản “Thời điểm khi hợp đồng*
4 *thuê nhà bắt đầu có hiệu lực, chủ nhà đã cung cấp một kế hoạch thanh toán trả góp cho*
5 *các khoản phí hoặc tiền đặt cọc không hoàn lại để đảm bảo nghĩa vụ của người thuê*
6 *nhà và người thuê nhà không trả tiền thuê nhà đúng hạn, chủ nhà có thể coi việc không*
7 *thanh toán đúng hạn là tiền nợ thuê nhà. Bất kỳ quyền lợi nào mà người thuê và chủ nhà*
8 *có trong chương này liên quan đến việc nợ tiền thuê nhà đều được áp dụng như nhau*
9 *theo tiêu mục này.” RCW 59.18.283 (3).)*

10 Under RCW 59.18.410(3)(e)(i), the court shall issue a finding as to whether the
11 tenant is low-income, limited resourced, or experiencing hardship to determine if the
12 parties may be eligible for disbursement through the landlord mitigation program
13 account established within RCW 43.31.605(1)(c).

14 *(Theo RCW 59.18.410(3)(e)(i), tòa án sẽ đưa ra kết luận về việc người thuê nhà*
15 *có thu nhập thấp, có nguồn lực hạn chế hoặc gặp khó khăn để xác định xem các bên*
16 *có đủ điều kiện nhận giải ngân thông qua tài khoản chương trình hỗ trợ chủ nhà được*
17 *thành lập trong RCW 43.31.605(1)(c).)*

18 A recently added provision to RCW 43.31.605, provides that unpaid
19 judgments resulting from the tenant's failure to comply with an
20 installment payment agreement are also eligible for reimbursement from the
21 landlord mitigation program. See RCW 43.31.605 (1)(c).

22 *(Một điều khoản được bổ sung gần đây vào RCW 43.31.605 quy định rằng*
23 *các phán quyết về việc chưa thanh toán dẫn đến việc người thuê nhà không tuân*

1 *thủ thỏa thuận trả góp cũng đủ điều kiện để được bồi hoàn từ chương trình hỗ*
2 *trợ chủ nhà. Xem RCW 43.31.605 (1)(c).*

3 V. Conclusion


4 V. (Kết luận)

5 For the reasons stated in this Motion, Defendant seeks an Order staying
6 enforcement of the writ, restoring tenancy, and ordering a payment plan according to
7 the terms above.

8 *(Vi các lý do được nêu trong bản Kiến nghị này, Bị cáo thỉnh cầu Lệnh tạm dừng*
9 *thực thi lệnh đòi nhà, khôi phục hợp đồng thuê nhà và yêu cầu một kế hoạch thanh toán*
10 *theo các điều khoản trên.)*

11
12 Signed at (city and state): _____ Date: _____

13 *(Đã ký tại (thành phố và tiểu bang):) _____ (Ngày:)* _____

14
15  _____
16 *Defendant signs here*
(Bị đơn ký ở đây)

Print name
(Tên viết hoa)

1 ORDER #2 [Use this form if you asked for a plan to pay off the amount you owe within
90 days of the writ]

2 (ÁN LỆNH # 2 [Sử dụng biểu mẫu này nếu bạn yêu cầu kế hoạch thanh toán số tiền
bạn nợ trong vòng 90 ngày kể từ ngày thực thi lệnh])

3
4
5
6
7
8 IN THE SUPERIOR COURT OF THE STATE OF WASHINGTON
9 IN AND FOR THE COUNTY OF _____
(TẠI HỆ THỐNG TÒA ÁN THƯỢNG THẨM CỦA BANG WASHINGTON
10 QUẬN _____)

11 _____
12 Plaintiff
(Nguyên đơn)
(landlord)
13 ((chủ nhà))

14 v.
(chống lại)

15 _____
16 Defendant(s)
(tenant)
17 (Bị đơn)
18 ((người thuê nhà))

Case No.: _____
(Vụ kiện số:) _____

[PROPOSED] ORDER STAYING
ENFORCEMENT OF WRIT OF
RESTITUTION AND ESTABLISHING
PAYMENT PLAN UNDER 59.18.410(3)
FOR CONTINUATION OF TENANCY
([ĐƯỢC ĐỀ XUẤT] LỆNH TẠM DỪNG
THỰC THI LỆNH ĐÒI NHÀ VÀ THIẾT
LẬP KẾ HOẠCH THANH TOÁN THEO
RCW 59.18.410(3) CHO VIỆC TIẾP TỤC
HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ)

19 Defendant(s) _____ has moved this Court for an
20 order under RCW 59.18.402(3) staying a writ of restitution upon a showing of good
21 cause and on such terms that this court deems fair and just for both parties.
22
23

1 (Bị đơn _____ đã đề nghị Tòa án này đưa ra án lệnh
2 theo RCW 59.18.402(3) tạm dừng lệnh đòi nhà khi có lý do chính đáng và theo các điều
3 khoản mà tòa án này coi là công bằng và hợp lẽ cho cả hai bên.)

4 Additionally, Defendant(s) has/have has/have not moved this court to Stay
5 enforcement of the writ of restitution as necessary (under RCW 59.18.410(3)(c)(iv)) to
6 afford them an equal opportunity to comply with the terms of the payment plan by relying
7 on an emergency rental assistance program.

8 (Ngoài ra, Bị đơn đã đã không đề nghị tòa án này Tạm dừng thực thi lệnh
9 đòi nhà khi cần thiết (theo RCW 59.18.410(3)(c)(iv)) để cho họ cơ hội bình đẳng tuân
10 thủ các điều khoản của kế hoạch thanh toán bằng cách sử dụng hỗ trợ từ một chương
11 trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp.)

12
13 Defendant(s) has/have has/have not proven they are relying on an
14 emergency rental assistance program provided by this government or nonprofit entity:

15 _____)

16 (Bị đơn) đã đã không chứng minh được rằng họ đang sử dụng hỗ trợ từ
17 chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp do chính quyền hoặc tổ chức phi lợi nhuận này
18 cung cấp: __)

19 After making the findings above and after consideration of the evidence of the
20 factors stated in RCW 59.18.410(3)(a), the Court finds that the tenant has shown good
21 cause to stay the writ upon the fair and just terms below.

22 (Sau khi đưa ra các kết luận ở trên và sau khi xem xét các bằng chứng về các
23 yếu tố được nêu trong RCW 59.18.410(3)(a), Tòa án thấy rằng người thuê nhà đã cho

1 thấy lý do chính đáng để tạm dừng lệnh đòi nhà dựa trên các điều khoản công bằng và
2 hợp lý dưới đây.)

3 It is now therefore ORDERED that:

4 (Do vậy, Tòa YÊU CẦU:)

5 1. Defendant(s) shall pay a total amount of _____.

6 Consisting of

7 1. (Bị đơn sẽ phải trả tổng số tiền là __. Bao gồm)

8 Rent due _____
9 (Tiền thuê nhà đến hạn thanh toán)

10 Court costs _____
11 (Chi phí tòa án)

12 Late fee _____
13 (Lệ phí trễ hạn)

14 Attorneys' fees _____
15 (Phí luật sư)

16 Payment due under a deposit installment plan _____
17 (Khoản thanh toán đến hạn theo chương trình trả góp)

18 Other _____
19 (Khác)

20 Defendant(s) shall pay the total within 90 days of this order, by
(date) _____.

21 (Bị đơn sẽ thanh toán tổng số trong vòng 90 ngày kể từ ngày lệnh này được
22 ban hành, trước (ngày))__.

23 First payment of _____ due _____.
 (Khoản thanh toán thứ nhất ___ đến hạn) ____.

[if this order is entered before the 15th of the month, the first payment must be for one
month's rent, and must be paid within five court days of the entry of this order. RCW

1 59.18.410(3). If after the 15th of the month, then the following month's rental payment
2 may be included in the total amount.]

3 *[(nếu lệnh này được thông qua trước ngày 15 của tháng, khoản thanh toán đầu tiên phải
4 được dành cho tiền thuê nhà một tháng và phải được thanh toán trong vòng năm ngày
5 tòa kể từ khi có lệnh này. RCW 59.18.410(3). Nếu sau ngày 15 của tháng, sau đó tiền
6 thanh toán thuê nhà của tháng tiếp theo có thể được bao gồm trong tổng số tiền.)]*

7 2nd payment of _____ due _____.
8 *(Khoản thanh toán thứ 2 _____ đến hạn) _____.*

9 3rd payment of _____ due _____.
10 *(Khoản thanh toán thứ 3 _____ đến hạn) _____.*

11 4th payment of _____ due _____.
12 *(Khoản thanh toán thứ 4 _____ đến hạn) _____.*

13 Additional payments/requirements:
14 *(Các khoản thanh toán/yêu cầu bổ sung:)*

15 _____
16 _____
17 2. Defendant(s) _____ are hereby reinstated to the tenancy at
18 the address: _____.

19 2. *(Bị đơn _____ dưới đây đã được khôi phục hiệu lực hợp
20 đồng thuê nhà tại địa chỉ: _____.)*

21 3. Any Writ of Restitution previously ordered in this action is hereby stayed. Either
22 Plaintiff(s) or Defendant(s) may deliver an uncertified copy of this Order to the Sheriff
23 for purposes of stopping the enforcement of any Writ of Restitution.

1 3. (Bất kỳ Lệnh đòi nhà nào được yêu cầu trước đây trong vụ kiện này đều được
2 tạm dừng. Nguyên đơn hoặc Bị đơn có thể gửi một bản sao không cần chứng thực của
3 Lệnh này cho Cảnh sát trưởng với mục đích ngăn chặn việc thi hành bất kỳ Lệnh đòi
4 nhà nào.)

5
6 DATED: (NGÀY:) _____

7 JUDGE/COURT COMMISSIONER
(THẨM PHÁN/ỦY VIÊN TÒA ÁN)

8 PRESENTED BY:
(TRÌNH BÀY BỞI:)

APPROVED BY:
(ĐƯỢC CHẤP THUẬN BỞI):

9
10 _____

11 Defendant(s)
(Bị đơn)

1 ORDER #3 [Use this form if you are asking the court to find you eligible for assistance
to pay off your judgment and reinstate your tenancy.]

2 (ÁN LỆNH # 3 [Sử dụng mẫu đơn này nếu bạn đang yêu cầu tòa án xác định bạn đủ
3 điều kiện nhận hỗ trợ để thanh toán theo phán quyết và khôi phục hiệu lực hợp đồng
thuê nhà của bạn.]

4
5
6
7
8 IN THE SUPERIOR COURT OF THE STATE OF WASHINGTON
9 IN AND FOR THE COUNTY OF _____
(TẠI HỆ THỐNG TÒA ÁN THƯỢNG THẨM CỦA BANG WASHINGTON
10 QUẬN _____)

11 _____
Plaintiff
(Nguyên đơn)
(landlord)
((chủ nhà))

13 v.
14 ((chống lại))

15 _____
16 Defendant(s)
(Bị đơn)
(tenant)
17 ((người thuê nhà))
18

Case No.: _____
(Vụ kiện số:) _____

[PROPOSED] ORDER STAYING
ENFORCEMENT OF WRIT OF
RESTITUTION AND ESTABLISHING
ELIGIBILITY FOR TENANCY
PRESERVATION PROGRAM UNDER
59.18.410(3)
([ĐỀ XUẤT] LỆNH TẠM DỪNG THỰC
THI LỆNH ĐÒI NHÀ VÀ THIẾT LẬP TÍNH
HỢI ĐỦ ĐIỀU KIỆN THUÊ NHÀ
CHƯƠNG TRÌNH DUY TRÌ THEO
59.18.410(3))

19 Defendant(s) _____ has moved this Court for an order
20 under RCW 59.18.402(3) staying a writ of restitution upon a showing of good cause
21 and on such terms that this court deems fair and just for both parties.
22
23

1 *(Bị đơn ____ đã đề nghị Tòa án này đưa ra án lệnh theo RCW 59.18.402(3)*
2 *tạm dừng lệnh đòi nhà khi có lý do chính đáng và theo các điều khoản mà tòa án này*
3 *coi là công bằng và hợp lẽ cho cả hai bên.)*

4 Additionally, Defendant(s) has/have has/have not moved this court to
5 Stay enforcement of the writ of restitution as necessary (under RCW
6 59.18.410(3)(c)(iv)) to afford them an equal opportunity to comply with the terms of the
7 payment plan by relying on an emergency rental assistance program.

8 *(Ngoài ra, Bị đơn đã đã không đề nghị tòa án này Tạm dừng thực thi*
9 *lệnh đòi nhà khi cần thiết (theo RCW 59.18.410(3)(c)(iv)) để cho họ cơ hội bình đẳng*
10 *tuân thủ các điều khoản của kế hoạch thanh toán bằng cách sử dụng hỗ trợ từ một*
11 *chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp.)*

12 Defendant(s) has/have has/have not proven they are relying on an
13 emergency rental assistance program provided by this government or nonprofit entity:

14 _____
15 *(Bị đơn đã đã không chứng minh được rằng họ đang sử dụng hỗ trợ từ*
16 *chương trình hỗ trợ thuê nhà khẩn cấp do chính quyền hoặc tổ chức phi lợi nhuận này*
17 *cung cấp: ____)*

18 Finally, Defendant(s) have moved this court to find that they are low-income,
19 limited resourced, or experiencing hardship (under RCW 59.18.410(3)(e)(i)) and are
20 eligible for disbursement through the Landlord Mitigation Program established under
21 RCW 43.31.605(1)(c) to satisfy the judgment owed to Plaintiff and reinstate the
22 tenancy.

1 (Cuối cùng, Bị đơn đã đề nghị tòa án này xác định rằng họ có thu nhập thấp,
2 nguồn lực hạn chế hoặc gặp khó khăn (theo RCW 59.18.410(3)(e)(i)) và đủ điều kiện
3 nhận giải ngân thông qua Chương trình Hỗ trợ Chủ nhà được thành lập theo RCW
4 43.31.605(1)(c) nhằm đáp ứng phán quyết còn nợ cho Nguyên đơn và khôi phục hợp
5 đồng thuê nhà.)

6 The Court finds that the Defendant(s) is/are is not/are not low-income,
7 limited resourced, or experiencing hardship (under RCW 59.18.410(3)(e)(i)) and
8 is/are is not/are not eligible for disbursement through the Landlord Mitigation
9 Program established under RCW 43.31.605(1)(c).

10 (Tòa án thấy rằng Bị đơn là không phải là người có thu nhập thấp, nguồn
11 lực hạn chế hoặc gặp khó khăn (theo RCW 59.18.410(3)(e)(i)) và có không đủ
12 điều kiện nhận giải ngân thông qua Chương trình Hỗ trợ Chủ nhà được thành lập theo
13 RCW 43.31.605(1)(c).)

14 IT IS HEREBY ORDERED that:

15 (TÒA YÊU CẦU:)

16 1. Enforcement of the Plaintiff's Judgment entered on _____ is
17 stayed pending satisfaction of the Judgment by the Department of Commerce's
18 TPP;

19 1. (Việc thực thi hành Phán quyết của Nguyên đơn được thông qua về
20 _____ vẫn đang chờ sự hài lòng của Phán quyết của Chương trình
21 Duy trì Hợp đồng thuê nhà của Sở Thương mại;)

22 2. The Order for Writ of Restitution issued on _____ in favor of the
23 Plaintiff is hereby STAYED; Plaintiff or Defendant may present an uncertified
copy of this Order to the Sheriff to stay any eviction;

- 1 2. (Lệnh đòi nhà được ban hành vào ngày _____ có lợi cho Nguyên
2 đơn theo đây được TẠM DỪNG; Nguyên đơn hoặc Bị đơn có thể đưa ra một
3 bản sao không cần chứng thực của Lệnh này cho Cảnh sát trưởng để tránh bị
4 trục xuất;)
- 5 3. The Clerk of the Court is hereby directed without further order of this court to
6 remit any future payments made by the Defendant(s) in order to reimburse the
7 Department of Commerce pursuant to RCW 43.31.605(1)(c)(iii);
- 8 3. (Thư ký của Tòa án được chỉ đạo mà không cần lệnh của tòa án này phải
9 chuyển tiền bất kỳ khoản thanh toán nào trong tương lai của Bị đơn để hoàn trả
10 cho Sở Thương mại theo RCW 43.31.605(1)(c)(iii);)
- 11 4. If the Department of Commerce fails to pay the Plaintiff its full Judgment
12 amount within thirty days of the date the TPP application is submitted to the
13 Department of Commerce, or the tenant fails to pay ongoing rental obligations
14 as they come due, then the Plaintiff may renew an application for Writ of
15 Restitution pursuant to RCW 59.18.410 (3)(e)(iii) and for other rent owed by the
16 Defendant since the time of entry of the prior Judgment, and for an order
17 extending the Writ up to an additional twenty days from the date of obtaining
18 such an order.
- 19 4. (Nếu Sở Thương mại không thanh toán cho Nguyên đơn số tiền Phán quyết
20 đầy đủ trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày đơn đăng ký Chương trình Duy trì
21 Hợp đồng thuê nhà được nộp cho Sở Thương mại, hoặc người thuê không
22 thanh toán các nghĩa vụ thuê nhà hiện hành khi đến hạn, thì Nguyên đơn có thể
23 nộp lại đơn xin Lệnh đòi nhà theo RCW 59.18.410(3)(e)(iii) và cho các khoản
tiền thuê khác mà Bị đơn còn nợ kể từ thời điểm Phán quyết trước đó và yêu
cầu lệnh kéo dài Lệnh đòi nhà lên đến thêm hai mươi ngày kể từ ngày nhận
được lệnh như vậy.)
5. If requested, and this box is checked, additional rent or payment due under a
deposit installment plan that comes due after entry of the judgment and before

1 entry of this order may be added to the judgment submitted to Commerce. The
2 following amount of additional rent due or payment owed under a deposit
3 installation plan is \$_____ for the following months:_____.

4 5. (Nếu được yêu cầu và ô này được chọn, tiền thuê hoặc thanh toán bổ sung
5 theo kế hoạch trả góp đến hạn sau khi có phán quyết và trước khi có lệnh này
6 có thể được thêm vào phán quyết gửi cho Sở Thương mại. Số tiền thuê nhà bổ
7 sung đến hạn hoặc khoản thanh toán nợ theo kế hoạch trả góp tiền gửi là
8 \$_____ cho các tháng sau: ____.)

9 6. If the Department of Commerce satisfied the Plaintiff's Judgment, and the
10 Defendant has made the payments set forth in paragraph 3 above the tenancy
11 which is the subject of this action shall be restored. The Plaintiff shall file a
12 Satisfaction of Judgment with the Clerk of the Court within thirty days of receipt
13 of the payment.

14 6. (Nếu Sở Thương mại thỏa mãn Phán quyết của Nguyên đơn, và Bị đơn đã thực
15 hiện các khoản thanh toán được nêu trong đoạn 3 ở trên hợp đồng thuê nhà,
16 đối tượng của vụ kiện này, sẽ được khôi phục. Nguyên đơn sẽ nộp mẫu Hải
17 lòng về Phán quyết cho Thư ký Tòa án trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày
18 nhận được khoản thanh toán.)

19 DATED: (NGÀY:) _____

20 JUDGE/COURT COMMISSIONER
(THẨM PHÁN/ỦY VIÊN TÒA ÁN)

21 PRESENTED BY:
22 (TRÌNH BÀY BỞI:)

23 APPROVED BY:
(ĐƯỢC CHẤP THUẬN BỞI:)

Defendant
(Bị đơn)

Plaintiff
(Nguyên đơn)